

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ - PT.  
Ngày 22 tháng 3 năm 2022.  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hà Giang;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Việt Tiến;

Ông Nguyễn Kim Ái.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 và ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021; Về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2021/HNGĐ -ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ; bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021; Thông báo phiên tòa phúc thẩm số 43/2022/TB-TA ngày 17/02/2022 và Thông báo phiên tòa phúc thẩm số 45/2022/TB-TA ngày 08/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Trọng T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Tổ 18, khu 4, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số nhà LB03, khu nhà ở liền kề - Dự án TL, khu G (nay là khu Minh Tân), phường M, thành phố T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Vũ Thị H – Luật sư Công ty luật TNHH MTV H – Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.

**Người kháng cáo:** Ông Đỗ Trọng T – Nguyên đơn.

Bà Hoàng Thị Đ - Bị đơn.

(Các đương sự Ông T, bà Đ và luật sư H đều có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Đỗ Trọng T trình bày:*

Ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ đăng ký kết hôn ngày 31/10/1985 tại UBND phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay không hỏi han quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn Ông T xin được ly hôn với bà Đ.

*Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Hoàng Thị Đ trình bày:* Bà xác định quá trình kết hôn chung sống như Ông T trình bày là đúng. Bà Đ xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn lớn từ đầu năm 2021 còn trước đây vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ có mâu thuẫn nhỏ. Vợ chồng ông bà đã chấm dứt quan hệ sinh lý với nhau khoảng 3 năm nay, sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 đến nay Ông T không chung sống với bà nữa. Nay thực tế bà Đ xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn nhưng bà Đ vẫn xin đoàn tụ để giữ danh dự cho các con và mẹ 2 bên nội ngoại.

*Về con chung:* Ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ xác nhận vợ chồng có hai con chung là Đỗ Trọng B - sinh ngày 19/9/1986 và Đỗ Trọng P - sinh ngày 23/5/1989. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên Ông T và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ xác nhận vợ chồng có khối tài sản chung sau đây:

- 01 thửa đất số 33, tờ bản đồ 22, địa chỉ: Khu 4, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 136,2 m<sup>2</sup> đất ở đã được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 819408 ngày 15/11/2006 đứng tên ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ và nhà trên đất;

- 01 thửa đất số 150, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Khu nhà ở liền kề - Dự án TL, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 108,8m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 357083 ngày 24/7/2020 đứng tên ông Đỗ Trọng T và nhà ở liền kề diện tích xây dựng 80,4m<sup>2</sup>, diện tích sàn 343,7m<sup>2</sup> trên đất;

- 01 thửa đất số 235-2, tờ bản đồ 42, địa chỉ: Khu 8, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Thọ diện tích 842 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 642m<sup>2</sup> đất vườn) đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 239452 ngày 09/4/2003 đứng tên hộ bà Hoàng Thị Đ;

- 01 thửa đất số 246-2, tờ bản đồ 42, địa chỉ: Khu 8, xã H, thành phố T), tỉnh Phú Thọ diện tích 830 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 630m<sup>2</sup> đất CLN) đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 217597 ngày 15/11/2004 đứng tên hộ ông Đỗ Trọng T;

- 01 xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 19A-258.96, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Đỗ Trọng T.

Nếu ly hôn đặt ra, ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà về tài sản chung theo biên bản tự thỏa thuận ngày 01/9/2021, cụ thể như sau:

Ông Đỗ Trọng T sở hữu và sử dụng: 01 xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 19A-258.96, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Đỗ Trọng T.

Bà Hoàng Thị Đ sở hữu và sử dụng:

- 01 thửa đất số 33, tờ bản đồ 22, địa chỉ: Khu 4, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 136,2 m<sup>2</sup> đất ở đã được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 819408 ngày 15/11/2006 đứng tên ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ và nhà trên đất;

- 01 thửa đất số 150, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Khu nhà ở liền kề - Dự án TL, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 108,8m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 357083 ngày 24/7/2020 đứng tên ông Đỗ Trọng T và nhà ở liền kề diện tích xây dựng 80,4m<sup>2</sup>, diện tích sàn 343,7m<sup>2</sup> trên đất;

- 01 thửa đất số 235-2, tờ bản đồ 42, địa chỉ: Khu 8, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Thọ diện tích 842 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 642m<sup>2</sup> đất vườn) đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 239452 ngày 09/4/2003 đứng tên hộ bà Hoàng Thị Đ;

- 01 thửa đất số 246-2, tờ bản đồ 42, địa chỉ: Khu 8, xã H, thành phố T), tỉnh Phú Thọ diện tích 830 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 630m<sup>2</sup> đất CLN) đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 217597 ngày 15/11/2004 đứng tên hộ ông Đỗ Trọng T;

Ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản chung cho nhau.

*Về nợ chung, công sức đóng góp:* Ông Đỗ Trọng T và Bà Hoàng Thị Đ xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết đến thời điểm mở phiên tòa, ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của Ông T và bà Đ, đại diện khu dân cư cho biết: Ông Đỗ Trọng T, sinh năm 1961 cùng vợ là bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1958 cùng chung sống với nhau tại số nhà LB03, khu nhà ở liền kề, Dự án TL, khu G, phường M, T, Phú Thọ. Quá trình chung sống Ông T và bà Đ có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là gì thì khu dân cư không nắm được. Hiện nay Ông T không còn chung sống với bà Đ nữa, vợ chồng đang sống ly thân. Trên thực tế quan hệ hôn nhân giữa Ông T và bà Đ đã không còn tồn tại.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:35/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án::

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Trọng T, cho ông Đỗ Trọng T được ly hôn với bà Hoàng Thị Đ.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Đỗ Trọng T sở hữu và sử dụng: 01 xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 19A-258.96, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Đỗ Trọng T.

Bà Hoàng Thị Đ sở hữu và sử dụng:

- 01 thửa đất số 33, tờ bản đồ 22, địa chỉ: Khu 4, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 136,2 m<sup>2</sup> đất ở đã được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 819408 ngày 15/11/2006 đứng tên ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ và nhà trên đất;

- 01 thửa đất số 150, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Khu nhà ở liền kề - Dự án TL, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 108,8m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 357083 ngày 24/7/2020 đứng tên ông Đỗ Trọng T và nhà ở liền kề diện tích xây dựng 80,4m<sup>2</sup>, diện tích sàn 343,7m<sup>2</sup> trên đất;

- 01 thửa đất số 235-2, tờ bản đồ 42, địa chỉ: Khu 8, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Thọ diện tích 842 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 642m<sup>2</sup> đất vườn) đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 239452 ngày 09/4/2003 đứng tên hộ bà Hoàng Thị Đ;

- 01 thửa đất số 246-2, tờ bản đồ 42, địa chỉ: Khu 8, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Thọ diện tích 830 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 630m<sup>2</sup> đất CLN) đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 217597 ngày 15/11/2004 đứng tên hộ ông Đỗ Trọng T;

Ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản chung cho nhau.

4. Về nợ chung, công sức đóng góp: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### ***Kháng cáo:***

Ngày 18/11/2021 Ông Đỗ Trọng T có đơn kháng cáo với nội dung Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử chia lại tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2021 Bà Hoàng Thị Đ có đơn kháng cáo với nội dung Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử Bác yêu cầu khởi kiện của Ông T để vợ chồng được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm Ông Đỗ Trọng T xin rút toàn bộ kháng cáo; còn bà Hoàng Thị Đ giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đ. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Đỗ Trọng T đối với bà Hoàng Thị Đ để vợ chồng trở về đoàn tụ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 2 điều 308, điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của Bà Hoàng Thị Đ.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Trọng T.

Sửa bản án sơ thẩm số: 35/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ.

Bác đơn khởi kiện của ông Đỗ Trọng T xin ly hôn với bà Hoàng Thị Đ.

Về án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Đ và ông Đỗ Trọng T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ nộp trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa ông Đỗ Trọng T xin rút toàn bộ kháng cáo, xét thấy việc rút toàn bộ kháng cáo của Ông T là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Đỗ Trọng T.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị Đ; Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và đăng ký kết hôn ngày 31/10/1985 tại UBND phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo Ông T sau khi kết hôn vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Bà Đ cũng xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn lớn từ đầu năm 2021 còn trước đây vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Ngoài ra theo bà Đ, vợ chồng ông bà đã chấm dứt quan hệ sinh lý với nhau khoảng 03 năm nay, sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 đến nay Ông T không chung sống với bà nữa, thực tế bà Đ xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Qua xác minh tại khu dân cư cũng xác định: Ông T và bà Đ đã không chung sống với nhau từ đầu năm 2021, quan hệ hôn nhân không còn tồn tại. Do đó xác định trên thực tế tình

cảm vợ chồng giữa Ông T và bà Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được việc bà Đ vẫn xin đoàn tụ để giữ danh dự cho các con và hai bên nội ngoại là không phù hợp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông T và xử cho Ông T được ly hôn với bà Đ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Bà Đ không nhất trí với việc xử cho Ông T được ly hôn bà và bà xin được đoàn tụ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ cùng Ông T đều xác định vợ chồng đã mâu thuẫn rất trầm trọng, lý do của bà Đ xin đoàn tụ là hiện nay bà đang mắc bệnh Ung thư, cuộc sống không còn bao lâu. Trong thời gian ngừng phiên tòa ngày 02/3/2022 và ngày 24/01/2022 Ông T cung cấp cho Tòa án 01 đơn xin ly hôn ghi ngày 14/6/2021 có cả chữ ký của Ông T và bà Đ; 01 USB có giọng nói của Ông T và bà Đ đã được Ông T ghi lại thành văn bản và bà Đ cũng thừa nhận có cuộc đàm thoại này. Nội dung Ông T và bà Đ cãi chửi nhau, bà Đ còn xúc phạm đến danh dự anh em, con cháu nhà Ông T cụ thể có đoạn “Chị dâu đi làm đi, em trai hai đứa vào tù, cháu ba bốn đứa lờ đờ...hai ba đứa cháu gái đi lấy chồng vác bụng về nhà chồng..”. Hơn nữa kể từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án cho đến nay thời gian gần 01 năm Ông T và bà Đ cũng không cải thiện được tình cảm. Do vậy việc xin đoàn tụ của bà Đ không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bà Hoàng Thị Đ không được chấp nhận nên cần Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Đ và ông Đỗ Trọng T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên Tòa phúc thẩm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đề nghị của kiểm sát viên không có căn cứ nên không được chấp nhận. Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điều 289; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1]. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Đỗ Trọng T.

[2]. Bác kháng cáo của Bà Hoàng Thị Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm d khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Trọng T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Trọng T được ly hôn với bà Hoàng Thị Đ.

Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Đỗ Trọng T được sở hữu 01 xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 19A-258.96, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Đỗ Trọng T.

Bà Hoàng Thị Đ được sở hữu và sử dụng:

- 01 thửa đất số 33, tờ bản đồ 22, địa chỉ: Khu 4, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 136,2 m<sup>2</sup> đất ở đã được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 819408 ngày 15/11/2006 đứng tên ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ và nhà trên đất;

- 01 thửa đất số 150, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Khu nhà ở liền kề - Dự án TL, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 108,8m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 357083 ngày 24/7/2020 đứng tên ông Đỗ Trọng T và nhà ở liền kề diện tích xây dựng 80,4m<sup>2</sup>, diện tích sàn 343,7m<sup>2</sup> trên đất;

- 01 thửa đất số 235-2, tờ bản đồ 42, địa chỉ: Khu 8, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Thọ diện tích 842 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 642m<sup>2</sup> đất vườn) đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 239452 ngày 09/4/2003 đứng tên hộ bà Hoàng Thị Đ;

- 01 thửa đất số 246-2, tờ bản đồ 42, địa chỉ: Khu 8, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Thọ diện tích 830 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 630m<sup>2</sup> đất CLN) đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 217597 ngày 15/11/2004 đứng tên hộ ông Đỗ Trọng T;

Ông Đỗ Trọng T và bà Hoàng Thị Đ không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản chung cho nhau.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Xác nhận ông Đỗ Trọng T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000506 ngày 14/7/2021 của chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho ông Đỗ Trọng T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Về án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Đ và ông Đỗ Trọng T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- TAND TP. T;
- THADS TP. T;
- UBND phường V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hà Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Việt Tiến**

**Nguyễn Kim Ái**

**Nguyễn Hà Giang**



